

Số **765**/QĐ-BV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung ứng dịch vụ  
bảo trì hệ thống khí y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

Căn cứ vào Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2014;

Căn cứ thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5373/QĐ-SYT ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện thành phố Thủ Đức trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-SYT ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công phụ trách lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện các giao dịch tài chính và thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Bệnh viện thành phố Thủ Đức (Hạng I) trực thuộc Sở Y tế;

Xét nhu cầu sử dụng của Bệnh viện.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung ứng dịch vụ bảo trì hệ thống khí y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh như sau:

- Giá kế hoạch: **60.000.000** đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.)
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Tháng 6 năm 2022.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.



- Hình thức lựa chọn nhà thầu: chỉ định thầu rút gọn.

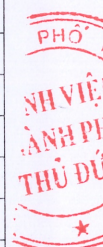
| Stt                                                    | Tên dịch vụ                              | Đơn vị tính | Số Lượng | Đơn giá   | Thành tiền        |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|----------|-----------|-------------------|
| 1                                                      | <b>Dịch vụ bảo trì hệ thống khí y tế</b> | Đợt         | 12       | 5.000.000 | 60.000.000        |
| <b>Tổng cộng</b><br>(Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.) |                                          |             |          |           | <b>60.000.000</b> |

**Chi tiết trọn gói Dịch vụ bảo trì hệ thống khí y tế như sau:**

| Stt       | Tên dịch vụ                                       | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----------|---------------------------------------------------|-------------|----------|
| <b>A</b>  | <b>KHU F</b>                                      |             |          |
| <b>I</b>  | <b>HÀM: PHÒNG MÁY TRUNG TÂM</b>                   |             |          |
| <b>1</b>  | <b>HỆ THỐNG ĐIỀU PHỐI OXYGEN</b>                  | <b>HT</b>   | <b>2</b> |
|           | 2 giàn van cao áp, mỗi giàn 5 chai Oxygen         |             |          |
|           | Điều phối oxygen - Manifold                       |             |          |
|           | Cảo đầu chai Oxygen 10 bộ                         |             |          |
|           | Hệ thống báo động trung tâm                       |             |          |
| <b>2</b>  | <b>HỆ THỐNG MÁY HÚT TRUNG TÂM</b>                 | <b>HT</b>   | <b>1</b> |
|           | Bao gồm 03 máy hút hoạt động luân phiên           |             |          |
|           | 2 máy loại model: U4.100                          |             |          |
|           | Công suất: 100m <sup>3</sup> /h/máy x 2           |             |          |
|           | 2 bồn chứa khí hút 1000 lít                       |             |          |
|           | 1 máy loại model: U4.165                          |             |          |
|           | Công suất: 160m <sup>3</sup> /h/máy               |             |          |
|           | 3 Bộ lọc khuẩn                                    |             |          |
|           | Bộ điều khiển - tủ điện                           |             |          |
| <b>3</b>  | <b>HỆ THỐNG MÁY NÉN TRUNG TÂM</b>                 | <b>HT</b>   | <b>1</b> |
|           | Bao gồm 03 máy nén hoạt động luân phiên:          |             |          |
|           | 2 máy loại model: 3.7OP-9.5G5A                    |             |          |
|           | Công suất: 38m <sup>3</sup> /h/máy x 2            |             |          |
|           | 1 máy loại model: 11OP-9.5G5A                     |             |          |
|           | Công suất: 77m <sup>3</sup> /h/máy                |             |          |
|           | Bồn chứa khí nén 700 lít                          |             |          |
|           | 02 máy sấy khí                                    |             |          |
|           | Bộ lọc khí                                        |             |          |
|           | Bộ điều khiển - tủ điện                           |             |          |
| <b>II</b> | <b>TẦNG TRỆT - KHOA ICU</b>                       |             |          |
| <b>1</b>  | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ          | 51       |
|           | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  | Bộ          | 9        |
| <b>2</b>  | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ          | 32       |
|           | - Bộ điều áp hút                                  | Bộ          | 12       |
| <b>3</b>  | - Ngõ ra khí Air 4 bar                            | Cái         | 22       |
| <b>4</b>  | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ          | 1        |



|             |                                                      |     |    |
|-------------|------------------------------------------------------|-----|----|
| 5           | Hệ thống báo động khu vực                            | HT  | 1  |
| <b>III</b>  | <b>TẦNG 1 - KHOA PHỤ SẢN</b>                         |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 40 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     | Bộ  | 26 |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 25 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     | Bộ  | 1  |
| 3           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 1  |
| <b>IV</b>   | <b>TẦNG 2 - KHOA NGOẠI LỒNG NGỰC</b>                 |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 42 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     |     |    |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 30 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     |     |    |
| 3           | - Ngõ ra khí Air 4 bar                               | Cái | 13 |
| 4           | - Ngõ ra khí AGS                                     | Cái | 2  |
| 5           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 1  |
| 6           | - Cột khí treo trần phòng mổ tim hơ- Ceiling pendant | Bộ  | 2  |
| <b>V</b>    | <b>TẦNG 3 - KHOA HỒI SỨC TIM MẠCH</b>                |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 37 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     | Bộ  | 12 |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 20 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     | Bộ  | 7  |
| 3           | - Ngõ ra khí Air 4 bar                               | Cái | 20 |
| 4           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 1  |
| <b>VI</b>   | <b>TẦNG 4 - KHOA NGOẠI THẦN KINH</b>                 |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 43 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     |     |    |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 12 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     |     |    |
| 3           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 1  |
| <b>VII</b>  | <b>TẦNG 5 - KHOA TMH-RHM</b>                         |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 40 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     |     |    |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 11 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     |     |    |
| 3           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 1  |
| <b>VIII</b> | <b>TẦNG 6 - KHOA CHẨN THƯƠNG-CHỈNH HÌNH</b>          |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 42 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     |     |    |
| 2           | - Ngõ ra khí Vacuum                                  | Bộ  | 11 |
|             | - Bộ điều áp hút                                     |     |    |
| 3           | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator)    | Bộ  | 0  |
| <b>B</b>    | <b>KHU THẬN (Khu G)</b>                              |     |    |
| 1           | - Ngõ ra khí Oxy                                     | Bộ  | 47 |
|             | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                     |     | 35 |





|            |                                                   |     |    |
|------------|---------------------------------------------------|-----|----|
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 6  |
|            | - Bộ điều áp hút                                  |     |    |
| 3          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1  |
| <b>C</b>   | <b>KHU D</b>                                      |     |    |
| <b>I</b>   | <b>TRỆT</b>                                       |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 16 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  |     |    |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 24 |
|            | - Bộ điều áp hút                                  |     |    |
| 3          | - Ngõ ra khí Air 4 bar                            | Cái | 23 |
| 4          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1  |
| <b>II</b>  | <b>LẦU 1</b>                                      |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 72 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  |     |    |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 40 |
|            | - Bộ điều áp hút                                  |     |    |
| 3          | - Ngõ ra khí Air 4 bar                            | Cái | 9  |
| 4          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 2  |
| <b>III</b> | <b>LẦU 2(Khoa Nhi)</b>                            |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 63 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  | Bộ  | 3  |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 8  |
|            | - Bộ điều áp hút                                  | Bộ  | 5  |
| 3          | - Ngõ ra khí Air 4 bar                            | Cái | 6  |
| 4          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 2  |
| <b>IV</b>  | <b>LẦU 3 (Khoa ngoại tổng quát)</b>               |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 35 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  | Bộ  | 18 |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 2  |
|            | - Bộ điều áp hút                                  | Bộ  | 2  |
| 3          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1  |
| <b>D</b>   | <b>Khu A</b>                                      |     |    |
| <b>I</b>   | <b>Tầng 1</b>                                     |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 55 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  |     | 46 |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 0  |
|            | - Bộ điều áp hút                                  |     | 0  |
| 3          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1  |
| <b>II</b>  | <b>Tầng 2</b>                                     |     |    |
| 1          | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 30 |
|            | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  |     | 21 |
| 2          | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 7  |
|            | - Bộ điều áp hút                                  |     | 7  |
| 3          | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1  |
| <b>III</b> | <b>Khoa cấp cứu</b>                               |     |    |



|   |                                                   |     |   |
|---|---------------------------------------------------|-----|---|
| 1 | - Ngõ ra khí Oxy                                  | Bộ  | 8 |
|   | - Bộ lưu lượng - Bình tạo ẩm Oxy                  |     | 5 |
| 2 | - Ngõ ra khí Vacuum                               | Bộ  | 8 |
|   | - Bộ điều áp hút                                  |     | 8 |
| 3 | - Ngõ ra khí Air 4 bar                            | Cái | 1 |
| 4 | - Bộ điều phối khu vực SGR (Second Gas Regulator) | Bộ  | 1 |

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao Phòng Vật tư trang thiết bị, Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. VTTTB, D. 3.

**KTGIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**TỔ. BS. Vũ Trí Chanh**





